BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38/2012/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2012*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Niu Di-lân về Chương trình làm việc trong kỳ nghỉ, ký tại Hà Nội ngày 29 tháng 12 năm 2011, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2012.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao thỏa thuận theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Mai

THỎA THUẬN
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NIU DI-LÂN
VỀ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC TRONG KỲ NGHỈ

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Niu Di-lân (sau đây gọi tắt là "các Bên") đã đi đến thỏa thuận chung về việc thực hiện Chương trình làm việc trong kỳ nghỉ (sau đây gọi tắt là "Chương trình") giữa hai nước:

Phần 1: Trách nhiệm của Chính phủ Niu Di-lân

Điều 1

Theo quy định tại Điều 2 của Thỏa thuận này và khi được công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nộp đơn đề nghị cấp thị thực vào Niu Di-lân, Chính phủ Niu Di-lân sẽ cấp thị thực có giá trị trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày cấp, cho những người đáp ứng được các yêu cầu sau:

(a) là công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

(b) có ý định chủ yếu là đi nghỉ tại Niu Di-lân, nhưng tìm được việc làm và học tập một cách ngẫu nhiên chứ không phải là lý do chủ yếu của chuyến đi;

(c) là những người trong độ tuổi từ đủ mười tám (18) đến ba mươi (30) tuổi vào thời điểm nộp hồ sơ;

(d) không có người phụ thuộc đi cùng;

(e) có hộ chiếu còn thời hạn được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp;

(f) có vé máy bay rời khỏi Niu Di-lân hoặc có đủ khả năng tài chính để mua vé máy bay này;

(g) có đủ khả năng tài chính để trả các khoản chi phí trong thời gian cư trú ở Niu Di-lân và được xác nhận bởi cơ quan có liên quan;

(h) có bằng giáo dục đại học với tối thiểu ba (3) năm học tập chính quy tại trường đại học;

(i) có khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức độ tối thiểu có thể làm việc được;

(j) trả lệ phí cấp thị thực theo quy định;

(k) đồng ý mang bảo hiểm y tế và bảo hiểm toàn bộ chi phí bệnh viện còn hiệu lực trong suốt thời gian ở Niu Di-lân;

(l) tuân thủ các yêu cầu về sức khoẻ và nhân thân theo quy định của Niu Di-lân; và

(m) trước đây chưa từng tham gia vào Chương trình.

Điều 2

Mỗi năm, Chính phủ Niu Di-lân sẽ cấp tối đa 100 thị thực cho những công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được những yêu cầu trong Điều 1 của Thỏa thuận này. Chính phủ Niu Di-lân sẽ thông báo cho Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công bố ngay sau khi hoàn thành cấp 100 thị thực mỗi năm. Chính phủ Niu Di-lân sẽ thông báo chính thức bằng văn bản cho Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tất cả những quyết định điều chỉnh số lượng thị thực được

cấp mỗi năm. Để tránh nhầm lẫn, việc điều chỉnh số lượng thị thực được cấp mỗi năm sẽ không được coi là sự sửa đổi chính thức đối với Thỏa thuận này, trừ khi tác động của việc điều chỉnh nhằm làm giảm số lượng thị thực được cấp mỗi năm xuống dưới 100 thị thực, trong trường hợp đó sẽ áp dụng thủ tục được quy định tại Điều 14 của Thỏa thuận này.

Điều 3

Chính phủ Niu Di-lân sẽ cho phép các công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thị thực được cấp theo Điều 1 của Thỏa thuận này và được phép nhập cảnh vào Niu Di-lân:

(a) được cư trú ở Niu Di-lân trong thời gian không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày nhập cảnh vào Niu Di-lân;

(b) được làm việc có hưởng lương theo các điều khoản của Thỏa thuận này trong thời gian không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày nhập cảnh vào Niu Di-lân;

(c) được tham gia vào các khóa đào tạo hoặc học tập theo các điều khoản của Thỏa thuận này; và

(d) được nhập cảnh, xuất cảnh Niu Di-lân trong khoảng thời gian thị thực có giá trị.

Điều 4

(1) Chính phủ Niu Di-lân sẽ yêu cầu mọi công dân từ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhập cảnh vào Niu Di-lân trong khuôn khổ Chương trình này phải tuân thủ pháp luật và quy định của Niu Di-lân, không được tham gia làm việc hoặc học tập trái với các điều khoản của Thỏa thuận này.

(2) Chính phủ Niu Di-lân sẽ không cho phép công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhập cảnh Niu Di-lân theo Chương trình này tham gia vào công việc lâu dài trong thời gian ở Niu Di-lân và không cho phép những công dân đó làm việc cho cùng một chủ sử dụng quá ba (3) tháng trong thời gian ở tại Niu Di-lân.

(3) Chính phủ Niu Di-lân sẽ cho phép các công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nhập cảnh vào Niu Di-lân theo Chương trình này được tham gia vào các khoá đào tạo hoặc học tập với tổng thời gian không quá ba (03) tháng trong thời gian ở Niu Di-lân.

Phần 2: Trách nhiệm của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Điều 5

Theo quy định tại Điều 7 của Thỏa thuận này và khi được công dân của Niu Di-lân nộp đơn đề nghị cấp thị thực, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cấp thị thực có giá trị trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày cấp cho những người đáp ứng các yêu cầu dưới đây:

(a) là công dân của Niu Di-lân;

(b) có ý định chủ yếu là đi nghỉ ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng tìm được việc làm và học tập một cách ngẫu nhiên chứ không phải là lý do chủ yếu của chuyến đi;

(c) là những người trong độ tuổi từ đủ mười tám (18) đến ba mươi (30) tuổi vào thời điểm nộp hồ sơ;

(d) không có người phụ thuộc đi cùng;

(e) có hộ chiếu còn thời hạn được Niu Di-lân cấp;

(f) có vé máy bay để rời khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc có đủ khả năng tài chính để mua vé máy bay này;

(g) có đủ khả năng tài chính để trả các khoản chi phí trong thời gian cư trú ở Việt Nam và được xác nhận bởi cơ quan có liên quan;

(h) trả lệ phí cấp thị thực theo quy định và lệ phí cấp giấy phép làm việc theo Chương trình này;

(i) có Chứng chỉ quốc gia về Kết quả học tập Phổ thông Trung học (NCEA) từ Cấp độ 2 trở lên;

(j) đồng ý mang bảo hiểm y tế và bảo hiểm toàn bộ chi phí bệnh viện còn hiệu lực trong thời gian ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

(k) tuân thủ các yêu cầu về sức khoẻ và nhân thân theo quy định của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; và

(l) trước đây chưa từng tham gia vào Chương trình.

Điều 6

Mỗi năm, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cấp tối đa 100 thị thực cho những công dân Niu Di-lân đáp ứng được những yêu cầu trong Điều 5 của Thỏa thuận này. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng sẽ thông báo cho Chính phủ Niu Di-lân và công bố ngay sau khi hoàn thành cấp 100 thị thực mỗi năm. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam sẽ thông báo chính thức bằng văn bản cho Chính phủ Niu Di-lân tất cả những quyết định điều chỉnh số lượng thị thực được cấp mỗi năm. Để tránh nhầm lẫn, việc điều chỉnh số lượng thị thực được cấp mỗi năm sẽ không được coi là sự sửa đổi chính thức đối với Thỏa thuận này, trừ khi tác động của việc điều chỉnh nhằm làm giảm số lượng cấp thị thực mỗi năm xuống dưới 100 thị thực; trong trường hợp đó sẽ áp dụng thủ tục quy định tại Điều 14 của Thỏa thuận này.

Điều 7

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cho phép bất kỳ công dân nào của Niu Di-lân có thị thực được cấp theo Điều 5 của Thỏa thuận này và được phép nhập cảnh vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

(a) được cư trú tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày nhập cảnh vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

(b) được làm việc có hưởng lương theo các điều khoản của Thỏa thuận này trong thời gian không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày nhập cảnh vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

(c) được tham gia vào các khoá đào tạo hoặc học tập theo các điều khoản của Thỏa thuận này; và

(d) được nhập cảnh, xuất cảnh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong khoảng thời gian thị thực có giá trị.

Điều 8

(1) Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ yêu cầu bất kỳ công dân Niu Di-lân nào đã nhập cảnh vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong khuôn khổ Chương trình này phải tuân thủ pháp luật và các quy định của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không được tham gia làm việc hoặc học tập trái với các điều khoản của Thỏa thuận này.

(2) Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ không cho phép công dân Niu Di-lân đã nhập cảnh vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Chương trình này tham gia vào công việc lâu dài trong thời gian ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và không cho phép những công dân đó làm việc cho cùng một chủ sử dụng quá ba (03) tháng trong thời gian ở tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(3) Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cho phép những công dân Niu Di-lân đã nhập cảnh vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Chương trình này được tham gia các khoá đào tạo hoặc học tập với tổng thời gian không quá ba (03) tháng trong thời gian ở nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phần 3 : Những điều khoản chung

Điều 9

(1) Mỗi Bên sẽ chỉ định một cơ quan chức năng cấp Bộ có trách nhiệm thực hiện và giám sát việc thực hiện Thỏa thuận này. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm thực hiện và giám sát việc thực hiện Thỏa thuận này bao gồm:

(a) đối với Niu Di-lân là Bộ Lao động; và

(b) đối với Việt Nam là Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

(2) Mỗi Bên có trách nhiệm làm rõ các yêu cầu nêu tại Điều 1 và Điều 5 của Thỏa thuận này.

(3) Mỗi Bên sẽ có hình thức cấp giấy phép phù hợp cho công dân nhập cảnh vào Việt Nam hoặc Niu Di-lân theo Chương trình này được làm việc trong thời gian mười hai (12) tháng.

(4) Theo Điều 7 của Thỏa thuận này, công dân Niu Di-lân đăng ký xin cấp thị thực theo Thỏa thuận này sẽ đồng thời đăng ký xin cấp giấp phép làm việc trong kỳ nghỉ theo Chương trình này tại Đại sứ quán Việt Nam tại Niu Di-lân với thời hạn tối đa là mười hai (12) tháng. Trong trường hợp giấy phép làm việc trong kỳ nghỉ theo Chương trình này được chấp thuận thông qua Đại sứ quán thì giấy phép đó sẽ được cơ quan có liên quan cấp ngay sau khi đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 10

(1) Không phụ thuộc vào nội dung các Điều 1 và 5 của Thỏa thuận này, một trong hai Bên có thể từ chối cấp thị thực theo Thỏa thuận này, căn cứ theo pháp luật và quy định của nước mình.

(2) Một trong hai Bên, căn cứ theo pháp luật và quy định của nước mình, có thể từ chối bất kỳ công dân nào đã được cấp thị thực theo Thỏa thuận này nhập cảnh vào lãnh thổ nước mình hoặc có thể yêu cầu bất kỳ công dân nào đã được cấp thị thực nhập cảnh theo Thỏa thuận này dời khỏi lãnh thổ nước mình.

Điều 11

Một trong hai Bên có thể yêu cầu trao đổi ý kiến bất kể lúc nào thông qua kênh ngoại giao về việc tổ chức thực hiện Thỏa thuận này. Việc trao đổi ý kiến sẽ được thực hiện sớm nhất có thể, nhưng không được quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Bên kia nhận được yêu cầu trừ khi các Bên cùng có quyết định khác. Thỏa thuận này có thể được các Bên cùng xem xét lại khi có yêu cầu của một trong hai Bên.

Điều 12

Bất kỳ Bên nào cũng có thể tạm thời dừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ Thỏa thuận này vì lý do an ninh, trật tự công cộng, sức khoẻ cộng đồng hoặc

rủi ro nhập cư. Việc tạm dừng này và ngày hiệu lực của việc tạm dừng sẽ được thông báo cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao.

Điều 13

Bất kỳ Bên nào cũng có thể chấm dứt hiệu lực Thỏa thuận này bằng cách thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước ba (03) tháng. Vào ngày chấm dứt hiệu lực hoặc tạm dừng Thỏa thuận này, các cá nhân đang có thị thực được cấp theo Điều 1 hoặc Điều 5 của Thỏa thuận này vẫn được phép nhập cảnh và/hoặc tiếp tục ở lại Niu Di-lân hoặc nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trừ khi các Bên cùng có quyết định khác bằng văn bản.

Điều 14

Thỏa thuận này có thể được sửa đổi bất kỳ lúc nào trên cơ sở sự đồng thuận bằng văn bản của các Bên.

Điều 15

Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nước để Thỏa thuận này có hiệu lực. Thỏa thuận này sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được sự ủy quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký Thỏa thuận này.

Được ký tại Hà Nội ngày 29 tháng 12 năm 2011, thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh; cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính phủ Niu Di-lân**
Phạm Thị Hải Chuyền **Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**	**Heather Riddell** **Đại sứ Niu Di-lân tại Việt Nam**